

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CÁC LOẠI HÌNH TRANG TRẠI Ở HÀ NAM

Th.s Lê Thế Đôn

Ủy ban Kiểm tra Trung ương

Email: donubkt@gmail.com

PGS.TS Phạm Văn Khôi

Đại học Kinh tế Quốc dân

Là tỉnh cơ bản thuần nông có vị địa lý thuận lợi, tiếp giáp với Thủ đô Hà Nội - một thị trường lớn về nông sản, thực phẩm- nên Hà Nam có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế trang trại.

Trong những năm qua, các cấp các ngành của tỉnh Hà Nam đã có nhiều quan tâm, tạo điều kiện về môi trường pháp lý, kinh tế cho kinh tế trang trại Hà Nam phát triển theo hướng bền vững, góp phần căn bản trong việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, gắn nông nghiệp với sản xuất hàng hoá, phát triển kinh tế- xã hội và xây dựng nông thôn mới. Với sự ổn định về số lượng, cơ cấu, quy mô, nguồn lực và hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh đã xuất hiện một số loại hình trang trại có tính bền vững cao, đáp ứng cơ bản quá trình hội nhập và phát triển. Tuy nhiên, xét trên bình diện chung của cả tỉnh, sự phát triển của các loại hình trang trại ở Hà Nam vẫn còn một số mặt thiếu tính bền vững cần được giải quyết. Trong khuôn khổ bài viết tập trung đánh giá thực trạng về sự phát triển bền vững đó, đồng thời đưa ra một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao tính bền vững của các loại hình trang trại ở Hà Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Từ khoá: phát triển bền vững, Hà Nam, trang trại, kinh tế trang trại.

1. Thực trạng tình hình phát triển các trang trại trên địa bàn tỉnh Hà Nam

1.1. Về số lượng

Năm 2005, số lượng trang trại mới chỉ có 368 trang trại thì tính đến tháng 12-2010, toàn tỉnh đã có 657 trang trại các loại, tăng gấp 1,78 lần so với năm 2005 và nếu tính theo mức gia tăng bình quân, thì hàng năm số lượng trang trại của tỉnh Hà Nam tăng trên 15%. Như vậy, trong giai đoạn 2005- 2010 số lượng các loại hình trang trại có sự phát triển ổn định qua các năm. Năm 2011, nếu tính theo tiêu chí mới của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về trang trại, thì số lượng trang trại của Hà Nam còn 215 chiếc (trang trại tổng hợp 10, trồng trọt 169, nuôi trồng thủy sản 24 và chăn nuôi là 12 chiếc) giảm 442 chiếc =67,3%, trong đó trang trại tổng hợp

giảm nhiều nhất tới 93%, tiếp đến trang trại trồng trọt 88,8%, trang trại nuôi trồng thủy sản 76,2% và trang trại chăn nuôi là 47%. Như vậy, nếu tính theo tiêu chí mới thì số lượng tất cả các loại hình trang trại của Hà Nam đều giảm, trong đó nhiều nhất là loại hình trang trại tổng hợp tới 93%.

1.2. Về quy mô của các trang trại

- *Về đất đai của các trang trại:* Năm 2005, tổng diện tích các loại hình trang trại ở Hà Nam sử dụng là 1.293,4 ha, bình quân mỗi trang trại sử dụng là 3,51ha; năm 2008 tổng diện tích sử dụng là 1.462 ha, diện tích bình quân mỗi trang trại là 2,56 ha. Đến năm 2010, tổng diện tích các trang trại sử dụng là 1.285,2 ha và diện tích bình quân của từng trang trại là 2,24ha. Như vậy, diện tích bình quân của các loại hình trang trại qua các năm từ 2005- 2010 của tỉnh

Bảng 1: Giá trị sản lượng hàng hóa và dịch vụ trang trại 2005-2010*Đơn vị: Triệu đồng*

Đơn vị	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Tr.đ	58,880	107,498	115,945	147,934	311,835.6	281,533
Số lượng	368	547	558	572	560	574
Bình quân	160.00	196.52	207.79	258.63	556.85	490.48

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hà Nam và tính toán của tác giả

Hà Nam đều trên mức hạn điền tối thiểu. Tuy nhiên, đối với từng loại hình, có tới 80% trang trại chăn nuôi có diện tích dao động từ 0,4- 2,0ha. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển bền vững của loại hình trang trại này vì liên quan nhiều đến vấn đề xử lý ô nhiễm môi trường và sự chủ động trong việc sản xuất, chế biến nguyên liệu đầu vào cho trang trại chăn nuôi. Các loại hình trang trại khác có diện tích dưới mức hạn điền 2,1 ha chiếm tới 10,3%. Đây là vấn đề đặt ra cần phải nghiên cứu để có kết luận chuẩn xác theo hướng phát triển bền vững của trang trại.

- *Về vốn:* Nếu năm 2005 vốn đầu tư bình quân cho 1 trang trại trên địa bàn Tỉnh mới chỉ đạt 105,08 triệu đồng/trang trại, đến năm 2010 số vốn đầu tư bình quân cho 1 trang trại là 298,86 triệu đồng gấp 2,8 lần năm 2005 và nếu so với năm 2009 giảm 0,5%. Và như vậy, mặc dù có khó khăn về vốn đầu tư do chính sách thắt chặt chi tiêu, kiềm chế lạm phát của Chính phủ nhưng mức vốn đầu tư cho các

loại hình trang trại của tỉnh trong giai đoạn 2005 - 2010 cơ bản tăng đều qua các năm, khẳng định sự định hướng đúng trong đầu tư kinh tế trang trại của các cấp, các ngành tỉnh Hà Nam. Tuy nhiên, trong tổng nguồn vốn đầu tư của các loại hình trang trại ở Hà Nam, nguồn vốn tự có của các trang trại dao động từ 20% đến 80%, trong đó có tới 40% trang trại chỉ có nguồn vốn tự có, không vay được ngân hàng để mở rộng quy mô, 60% trang trại có vay thêm ngoài nguồn vốn tự có để sản xuất kinh doanh, tuy nhiên số lượng vốn vay thêm chiếm tỷ lệ không cao, dao động từ 7%-40%. Mặt khác, số trang trại có vốn đầu tư ban đầu dưới 500 triệu chiếm tới 81%. Như vậy, xét về quy mô vốn đầu tư ban đầu thì số trang trại có điều kiện về vốn để đáp ứng cho việc mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh của trang trại mang tính bền vững còn ít.

- *Về lao động:* Tổng bình quân các loại lao động trong các loại hình trang trại ở Hà Nam không cao cơ bản đạt trên dưới 7 lao động/ trang trại và có xu

Bảng 2: Thu nhập của các trang trại giai đoạn 2005-2010*Đơn vị: Triệu đồng*

Năm	Trang trại trồng cây hàng năm	Trang trại trồng cây lâu năm	Trang trại chăn nuôi	Trang trại nuôi trồng thủy sản	Trang trại KD tổng hợp
2005	87.56	97.14	25.00	90.98	95.03
2006	162.79	191.00	17.11	48.22	81.06
2007	45.13	-	54.50	36.30	55.14
2008	55.35	41.60	65.40	47.74	66.12
2009	88.50	72.50	88.00	85.23	80.00
2010	89.36	65.00	111.94	90.33	86.81

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hà Nam và tính toán của tác giả

hướng tăng, giảm không đều. Mặt khác, xu hướng chung của các loại hình trang trại tại Hà Nam là tăng số lượng lao động của chủ trang trại và lao động thuê theo thời vụ, giảm số lao động thuê thường xuyên, trong 5 năm bình quân lao động đã giảm hơn 83% sẽ khó khăn cho các trang trại trong quá trình hội nhập với kinh tế thế giới.

1.3. Về sản xuất kinh doanh của các trang trại

- *Giá trị sản lượng hàng hoá và dịch vụ:* Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Hà Nam, giá trị sản lượng hàng hoá và dịch vụ bình quân trên một trang trại của các loại hình trang trại của tỉnh Hà Nam giai đoạn 2005- 2010 như bảng 1.

Theo bảng 1 cho thấy, giá trị sản lượng hàng hóa và dịch vụ bình quân của các loại hình trang trại tỉnh Hà Nam giai đoạn 2005- 2010 có xu hướng tăng liên tục với tỷ lệ đạt 41,8% và như vậy, xét trên góc độ chung sản lượng hàng hoá và dịch vụ của các loại hình trang trại ở Hà Nam cơ bản tăng và phát triển là bền vững.

- *Về thu nhập của các trang trại:* Tổng thu nhập và thu nhập bình quân của từng loại hình trang trại trong giai đoạn 2005-2010 như bảng 2.

Từ tổng hợp trên cho thấy, thu nhập của loại hình trang trại nhất là trang trại chăn nuôi sau 5 năm có sự gia tăng đột biến, năm 2010 tăng gấp hơn 4 lần năm 2005. Tỷ suất hàng hoá bình quân các năm tăng từ 4,6% đến 53%. Như vậy, xét trên bình diện chung cho tất cả các loại hình trang trại thì thu nhập bình quân trong các năm từ 2005-2010 mặc dù có sự tăng giảm thất thường, nhưng cơ bản đã có sự gia tăng.

2. Đánh giá tính bền vững và thiếu bền vững của các trang trại trên địa bàn tỉnh Hà Nam

2.1. Tính bền vững

- *Về mặt kinh tế:* Số lượng, quy mô, doanh thu bình quân của các trang trại liên tục tăng; cơ cấu kinh tế trang trại chuyển dịch theo hướng tích cực; hiệu quả khai thác và sử dụng các nguồn lực sản xuất từng bước tăng lên; tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ được ứng dụng ngày càng nhiều.

- *Về mặt xã hội:* Đã góp phần giải quyết việc làm, công cuộc xoá đói, giảm nghèo; cung cấp, đào tạo kiến thức, kỹ thuật về nông nghiệp cho nông dân, xoá bỏ khoảng cách vùng miền, góp phần xây dựng

nông thôn mới.

- *Về môi trường sinh thái:* Góp phần cải tạo đất hoang hoá, mang lại độ màu mỡ cho đất; tạo lập mối quan hệ sinh thái giữa trồng trọt và chăn nuôi, tính tự nhiên, an toàn của nông sản được nâng lên, góp phần bảo vệ môi trường.

2.2 Tính thiếu bền vững của các loại hình trang trại

- *Về mặt kinh tế:* Khó khăn về đất, vốn để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh; thiếu quy hoạch vùng hàng hoá, sản phẩm chưa có tính cạnh tranh cao; trình độ của chủ trang trại còn hạn chế; sự liên kết giữa các trang trại và vai trò của hợp tác xã còn yếu; đầu ra cho các loại sản phẩm còn thiếu ổn định, giá cả bấp bênh; cơ sở hạ tầng, việc bảo vệ thực vật, thú y phục vụ chưa đáp ứng yêu cầu.

- *Về mặt xã hội:* Quy mô về diện tích của các trang trại nhỏ nên khả năng thu hút lao động, tạo việc làm còn hạn chế, chưa đóng góp nhiều vào sự thu hẹp khoảng cách giàu, nghèo giữa các vùng miền trong tỉnh.

- *Về môi trường:* Mô hình phát triển bền vững chưa được triển khai đồng bộ, chưa theo tiêu chuẩn VietGap và môi trường sản xuất của các trang trại chăn nuôi theo hướng tập trung chưa đảm bảo.

3. Quan điểm, định hướng phát triển và một số giải pháp chủ yếu phát triển bền vững trang trại ở Hà Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế

3.1. Quan điểm, định hướng phát triển

- *Quan điểm phát triển:* Gắn sự phát triển với việc sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nhiên, nhất là đất đai; đảm bảo sự phát triển bền vững cả 3 mặt: kinh tế, xã hội và môi trường; phát triển phải có trọng tâm trọng điểm, phát huy được lợi thế vùng, liên doanh, liên kết và sự phát triển công nghiệp dịch vụ, chế biến; gắn với phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; phải theo sự định hướng, chỉ đạo và quản lý toàn diện của Nhà nước.

- *Định hướng phát triển.* Trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế - xã hội và ngành nông nghiệp Hà Nam đến 2020: “Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm thời kỳ 2011-2020 đạt 14,2%/năm,

trong đó giai đoạn 2011-2015 đạt 13,5%/năm và đạt 15% giai đoạn 2016-2020. Tỷ trọng công nghiệp-dịch vụ- nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế của Tỉnh vào năm 2015 là 54,8%, 32%, 13,2% và đến năm 2020 là 58,6%, 33,2%, 8,2%”.

3.2. Các giải pháp phát triển bền vững các trang trại

3.2.1. Nhóm các giải pháp đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực và các yếu tố sản xuất

- Giải pháp về tích tụ, tập trung đất đai: Miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được xác định quy hoạch phát triển trang trại; tạo môi trường phát lý và kinh tế thúc đẩy sự chuyển nhượng đất; trang trại có diện tích vượt hạn điền cần quy định giá thuê đất linh hoạt; rà soát và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Giải pháp về vốn: Huy động vốn từ các chương trình để đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn đối với nguồn vốn Nhà nước; áp dụng các chính sách ưu đãi, tiếp cận nguồn vốn, giảm bớt thủ tục, nâng cao chất lượng dự án vay vốn, vay vốn không phải đảm bảo bằng tài sản đối với nguồn vốn đầu tư cho các trang trại;

- Giải pháp đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Triển khai các chương trình đào tạo mang tính toàn diện đối với chủ trang trại; nâng cao ý thức pháp luật cho các chủ trang trại và người lao động; huy động tổng hợp các nguồn lực cho đào tạo nguồn nhân lực; phân công và phân công lại lao động phù hợp;

- Giải pháp công nghệ và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ: Chuẩn bị các nguồn lực và khuyến khích các trang trại tiên phong ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ; tổ chức tốt mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; mở rộng các hình thức liên kết; nâng cao hiệu quả phối hợp của các tổ chức chính trị với tổ chức khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư;

- Giải pháp về môi trường: Hình thành các Nhà máy xử lý chất thải, rác thải tại các huyện; xây dựng hệ thống chuồng trại gắn với xây dựng hệ thống xử lý chất thải; hỗ trợ trang trại chăn nuôi xây bể bioga và mua tấm đệm lót sinh học.

3.2.2. *Nhóm giải pháp về mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm:* Quy hoạch và phát triển hệ thống chợ nông thôn, tổ chức hội chợ nông sản; thu hút sự đầu tư của doanh nghiệp chế biến nông sản; tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng; ứng dụng công nghệ sau thu hoạch, đầu tư trang thiết bị chế biến cho trang trại; quảng bá, xây dựng thương hiệu sản phẩm; tổ chức tốt thông tin thị trường và điều chỉnh phương hướng kinh doanh.

3.2.3. Nhóm giải pháp về tăng cường công tác quản lý của Nhà nước

Bên cạnh việc nâng cao nhận thức của chính quyền, ban ngành các cấp, các tầng lớp nhân dân và các chủ trang trại về phát triển bền vững kinh tế trang trại, Nhà nước cần: Tăng cường công tác quy hoạch phát triển kinh tế trang trại theo phương thức, tiêu chí mới; tiến hành giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trang trại; tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn; nâng cao trình độ ứng dụng khoa học và công nghệ ở các trang trại; hỗ trợ trang trại tiếp cận thị trường, tiêu thụ nông lâm sản hàng hoá; nâng cao năng lực quản lý của chủ trang trại và tay nghề của người lao động; tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra việc triển khai, tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại; nâng cao chất lượng công tác thông tin, dự báo của các cơ quan chức năng và có chính sách cụ thể để từng bước bảo hiểm cho các loại nông sản, hàng hoá của trang trại.

3.2.4. Nhóm giải pháp đối với trang trại

Trước hết cần tiến hành rà soát phương hướng kinh doanh của các trang trại để có sự chuyển đổi, điều chỉnh phương hướng kinh doanh một cách căn bản, phù hợp, hiệu quả đi đôi với việc đánh giá các nguồn lực hiện có của trang trại nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực của trang trại đồng thời có những giải pháp nhằm áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ đối với từng loại hình trang trại:

Đối với trang trại trồng trọt cần đổi mới và thuần chủng các loại giống cây trồng chống chịu được các loại sâu bệnh, thích hợp với điều kiện tự nhiên và cho năng suất cao, phù hợp với nhu cầu thị trường.

Các trang trại chăn nuôi gia cầm, lợn thịt cần đầu tư nhập và lai tạo các loại giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt, tạo ra sản phẩm nạc cao như

Landrát, Đại Bạch, Yrsia... đồng thời tăng cường sử dụng các loại thức ăn tổng hợp phù hợp để giảm thời gian nuôi dưỡng và thu được năng suất cao, thường xuyên phòng bệnh định kỳ, vệ sinh chuồng trại cho các loại vật nuôi để đề phòng dịch bệnh bùng phát.

Các trang trại chăn nuôi cá: Mở rộng diện tích và thâm canh cá - lúa, tận dụng diện tích các hồ thủy lợi, nuôi theo hình thức công nghiệp và bán công nghiệp. Nhập mới những giống cá năng suất cao, phù hợp với nhu cầu của thị trường.

Nâng cao trách nhiệm pháp luật của chủ trang trại trong việc sản xuất, kinh doanh với việc cải tạo, chăm sóc và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên trong việc hạn chế việc lạm dụng quá mức thuốc trừ sâu, phân bón hoá học và các thuốc tăng trưởng, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạn chế ô nhiễm môi

trường và độc hại cho người sử dụng, tăng khả năng cạnh tranh cho từng loại sản phẩm.

- Giải pháp tổ chức hạch toán kinh doanh: Các trang trại cần chủ động tham gia các khóa học nâng cao trình độ quản lý trang trại, hạch toán kinh doanh. Các địa phương nghiên cứu nhu cầu đào tạo, mở lớp để các trang trại tham gia bồi dưỡng kiến thức hạch toán kinh doanh.

- Giải pháp tạo lập các mối liên kết giữa trang trại với Hợp tác xã và cơ sở dịch vụ: Đổi mới và tổ chức lại các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, tăng cường hợp tác giữa các trang trại với nhau, giữa các trang trại với các thành phần kinh tế khác của địa phương, trong nước và quốc tế nhằm mở rộng và phát triển trang trại theo hướng bền vững. □

Tài liệu tham khảo:

1. Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 5-8-2008 của Ban chấp hành Trung ương (khoá X), về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.
2. Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ XVII, XVIII .
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Báo cáo tình hình trang trại tháng 6/2012.
4. Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP, ngày 02- 02- 2000 của Chính phủ về kinh tế trang trại.
5. Cục Thống kê Hà Nam, Niên giám thống kê tỉnh Hà Nam 2011, NXB Thống kê Hà Nội.
6. Nghị quyết số 11/2009/NQ-HĐND ngày 09-12-2009 của HĐND tỉnh về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Nam đến năm 2020.
7. Phạm Văn Khôi, Nghiên cứu các mô hình phát triển bền vững trang trại ở vùng cây ăn quả tỉnh Bắc Giang.
9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Nam, Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn từ năm 2006 đến năm 2011.